

UNIT 2 MY HOUSE

TỪ VỰNG 1:

STT	DANH TỪ	NGHĨA	CÁCH ĐỌC
1.	flat	căn hộ	<i>ph lát</i>
2.	villa	biệt thự	<i>ví lơ</i>
3.	stilt	nhà sàn	<i>xtiu t</i>
4.	house	ngôi nhà	<i>hâu x</i>

5.	hall	hành lang	<i>hơn l</i>
6.	kitchen	nhà bếp	<i>khít chơn</i>
7.	bedroom	phòng ngủ	<i>bét rum</i>
8.	bathroom	phòng tắm	<i>bát rum</i>
9.	living room	phòng khách	<i>lí vin rum</i>
10.	garden	khu vườn	<i>gá đơn</i>

11.	lamp	đèn ngủ	<i>lam p</i>
12.	cupboard	tủ	<i>khấp bợt</i>
13.	dishwasher	máy rửa chén	<i>đít quót sơ r</i>
14.	chest of drawers	tủ có hộc tủ	<i>chét xop đró ơ x</i>
15.	toilet	nhà vệ sinh	<i>thói lịt</i>
16.	sink	bồn rửa mặt	<i>xin kh</i>

17.	fridge	tủ lạnh	<i>ph rít ch</i>
18.	picture	bức tranh	<i>pít chơ r</i>
19.	sofa	ghế dài, ghế trường kỷ	<i>xấu phơ</i>
20.	shower	vòi sen	<i>sáo ơ</i>
21.	fan	cây quạt	<i>phan</i>

Học từ vựng Quizlet (1-10) : 

Học từ vựng Quizlet (11-21) : 

Mẫu câu: **There is....** : Có 1 ... (*đề ix...*)

There are.... : Có những ... (*đề a...*)

There is a picture in the living room : Có 1 bức tranh trong phòng khách
(*đề ix ở píc chơ in đờ lí vin rum*)

There are two fans in the bedroom : Có 2 cây quạt trong phòng ngủ
(*đề a tu phanx in đờ khít chơ n*)

😊 **BÀI TẬP (hs nhớ ghi dấu . cuối câu)** 😊

BÀI TẬP 1/p17-SGK: 

BÀI TẬP 2/p18-SGK: 

BÀI TẬP 1/p24-SGK: 

SBT-BT B1: 

NGỮ ÂM: Phân biệt âm /s/ (x) và /z/ (gi)

Từ	Phiên âm quốc tế trong từ điển	Cách đọc	Âm của chữ gạch dưới
Các từ thêm "s" mà có chữ cái đứng trước "s" là th, f, t, p, k (thêm <i>fở tái pò kho</i>) thì "s" đọc là âm /s/ (x)			
lamps	/læmpx/	lam x	x
sinks	/sɪŋks/	xin x	x
Các từ thêm "s" không có chữ cái thuộc trường hợp trên thì "s" đọc là âm /z/			
sofas	/'səʊ.fəz/	xấu phơ z	z
rooms	/ru:mz/	rum z	z

😊 BÀI TẬP (hs nhớ ghi dấu . cuối câu) 😊

BÀI TẬP 4/p18-SGK:  BÀI TẬP 5/p18-SGK:  SBT-BT A1: 

----------

NGỮ PHÁP: Sở hữu cách (tên người + **'s** + đồ vật): của

VD: Elena's room: phòng của Elena

Mum's book: sách của mẹ

's: **KHÔNG** phải là viết tắt của động từ be (is)

😊 BÀI TẬP (hs nhớ ghi dấu . cuối câu) 😊

BÀI TẬP 1/p18-SGK:  BÀI TẬP 2/p19-SGK:  BÀI TẬP 2/p24-SGK: 

SBT-BT B4:  SBT-BT E1: 

TỪ VỰNG 2:

Học từ vựng Quizlet : 

STT	GIỚI TỪ VỊ TRÍ	NGHĨA	CÁCH ĐỌC
1.	in	ở trong	<i>in</i>
2.	on	ở trên	<i>on</i>
3.	behind	ở phía sau	<i>bì hai</i>
4.	under	ở dưới	<i>ấn đơ</i>
5.	next to	bên cạnh	<i>nét xtu</i>
6.	in front of	ở phía trước	<i>in phrấn top</i>
7.	between	ở giữa	<i>bì tuyn</i>

Mẫu câu: sau giới từ chỉ vị trí phải có “the/của ai đó...”

There is a picture in the living room : Có 1 bức tranh trong phòng khách
(*đề ix ở píc chơ in đờ lí vin rum*).

There is a book on my table : Có 1 cuốn sách trên bàn của tôi
(*đề ix ở búc on mai thấy ô*)

The dog is under the chair : Con chó thì ở dưới cái ghế
(*đờ đót ix ấn đơ đờ che r*)

😊 BÀI TẬP (hs nhớ ghi dấu . cuối câu) 😊

BÀI TẬP 3/p19-SGK: 

BÀI TẬP 4/p20-SGK: 

BÀI TẬP 3/p24-SGK: 

SBT-BT B5: 

😊 BÀI LUYỆN TẬP (hs nhớ ghi dấu . cuối câu) 😊

BÀI TẬP 3/p21-SGK: 

BÀI TẬP 2/p22-SGK: 

BÀI TẬP 3/p22-SGK: 

BÀI TẬP 1+2+3/p23-SGK: 

* SBT-BT: 